

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2014

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 09/8/2013
ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và
sử dụng tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 09/8/2013 ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Đưa ra khỏi Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam tại Phụ lục 1, 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 09/8/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT) bao gồm: 107 loại phân bón (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này*); dạng lỏng của 02 loại phân bón lá, dạng bột của 03 loại phân bón lá (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này*).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung tên sản phẩm; tổ chức, cá nhân đăng ký phân bón tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT, gồm 04 loại phân bón (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này*).

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2014.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Lê Quốc Doanh**

Phụ lục 1

**DANH MỤC PHÂN BÓN ĐƯA RA KHỎI THÔNG TƯ SỐ 38/2013/TT-BNNPTNT NGÀY 09/8/2013
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2014/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 6 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

I. PHÂN HỮU CƠ

TT tại Thông tư số 38/2013/ TT-BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục 1 - Phần 1 - TT6	1	TNP-Đồng tiền vàng 06	%	HC: 25; Axit Humic: 5; Axit Fulvic: 1,5; N: 2,5; Azadirachtin: 2; Nicotoids: 2; Mg: 0,04; Độ ẩm: 25	CT TNHH SX TM Thuận Nông Phát
			ppm	Cu: 200; Zn: 200; Bo: 500; Fe: 200	
Phụ lục 1 - Phần 1 - TT7	2	TNP-Đồng tiền vàng 08	%	HC: 25; Axit Humic: 6; Axit Fulvic: 2; N: 2,5; CaO: 2; S: 0,05; Mg: 0,04; Độ ẩm: 25	
			ppm	Cu: 200; Zn: 200; Bo: 500; Fe: 200	

II. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT tại Thông tư số 38/2013/ TT-BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục 1 - Phần II - TT14	1	FOUNDAN AGRO NPK 12-3-3+OM+TE	%	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-3-3; Ca: 2,4; S: 7; Độ ẩm 16	CT TNHH Foundan Agro
			ppm	Fe: 2000; Zn: 35; Cu: 6	
Phụ lục 1 - Phần II - TT27	2	Ích Nông IN2 4-2-2	%	HC: 18; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Độ ẩm: 25	CT TNHH TMDV XNK Lộc Vừng
			ppm	Zn: 300; Fe: 200; B: 200	

TT tại Thông tư số 38/2013/ TT-BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục 1 - Phần II - TT39	3	Phú Hưng	%	HC: 16; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2,5-2,5; Độ ẩm: 25	HKD CS Phân bón lá Phú Hưng
Phụ lục 1 - Phần II - TT58	4	Bông Sen 1 (NPK)	%	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-4-4; Ca: 0,5; Mg: 0,5; S: 1; Độ ẩm: 25	
			ppm	Fe: 50; Cu: 50; Zn: 30; Mn: 20; B: 20 pH: 5-7	
Phụ lục 1 - Phần II - TT59	5	Bông Sen 2	%	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-1-3; Ca: 0,5; Mg: 0,5; S: 1; Độ ẩm: 25	CT TNHH TVĐT SX TM DV Thuận Thảo Thiện
			ppm	Fe: 50; Cu: 50; Zn: 30; Mn: 20; B: 20 pH: 5-7	
Phụ lục 1 - Phần II - TT60	6	Bông Sen 4	%	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-3-7; Ca: 0,5; Mg: 0,5; S: 1; Độ ẩm: 25	
Phụ lục 1 - Phần II - TT61	7	Bông Sen 5	%	Fe: 50; Cu: 50; Zn: 30; Mn: 20; B: 20 pH: 5-7	CT TNHH SX&TM Việt Trung
			ppm	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-2; Ca: 0,5; Mg: 0,5; S: 1; Độ ẩm: 25	
Phụ lục 1 - Phần II - TT70	8	VT-GROW cho cây ngăn ngày	ppm	Fe: 50; Cu: 50; Zn: 30; Mn: 20; B: 20 pH: 5-7	
				HC: 20; Axit Humic: 15; Axit Fulvic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-2-5; SiO ₂ : 1; Ca: 5; Zn: 0,05; Cu: 0,05; B: 0,03; Fe: 0,025; Mn: 0,025; Mg: 0,05; Độ ẩm: 25 α -NAA: 50 pH: 7,6	

III. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT tại Thông tư số 38/2013/ TT-BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục 1 - Phần III - TT1	1	AMI-AMI- α	%	HC: 23 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Axit Amin (<i>Alanine</i> ; <i>Axit Glutamic</i> ; <i>Lysine</i> ; <i>Threonine</i>): 2,5 pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,1-1,25	CT Ajinomoto Việt Nam
Phụ lục 1 - Phần III - TT8	2	BM-HUMIC	% ppm	HC: 22; Axit Humic: 10; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-2; Ca: 0,1; S: 0,1; Mg: 0,05; Độ ẩm: 20 Cu: 500 pH: 5-7	CT TNHH DV NC SX GCT Bình Minh
Phụ lục 1 - Phần III - TT10	3	Alaska 5-1-1	% ppm	HC: 22; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-1-1; Độ ẩm: 25 Ca: 200; S: 100; Mg: 100; Fe: 100; Mn: 100; Zn: 100; Cu: 100	CT TNHH Đạt Nông [NK từ Hoa Kỳ]
Phụ lục 1 - Phần III - TT11	4	Điền Trang-Trimix- Super cho cây ngăn ngày	%	HC: 22; Axit Humic: 2,5; N: 2,5; Độ ẩm: 25	CT TNHH Điền Trang
Phụ lục 1 - Phần III - TT14	5	Bông Lúa Vàng NPK: 2,5-1-1-23HC	%	HC: 23; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-1; Độ ẩm: 25	CT CP VSM TĐT Hà Nội
Phụ lục 1 - Phần III - TT18	6	Phú Nông 2-1-1	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-1-1; Độ ẩm: 25 pH: 5,5-7	DN TN TM DV Xây Dựng Huỳnh Ngân
Phụ lục 1 - Phần III - TT19	7	HTC 18	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-3-1; Độ ẩm: 25	CT CP KT và DV TMPT HTC COM
Phụ lục 1 - Phần III - TT24	8	Ích Nông IN1 3-1,5-1,5	% ppm	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1,5-1,5; CaO: 4; MgO: 2,5; Độ ẩm: 25 Zn: 300; Fe: 200; B: 200	CT TNHH TMDV XNK Lộc Vùng

TT tại Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục 1 - Phần III - TT33	9	Bioted-PB 4-3-2	%	HC: 45; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-2; Ca: 4,5; Mn: 0,02; Mg: 0,3; Cu: 0,02; S: 0,3; B: 0,2; Fe: 0,16; Zn: 0,004; Mo: 0,003; Độ ẩm: 25 pH: 5-7	CT TNHH PTKT Vĩnh Long
Phụ lục 1 - Phần III - TT34	10	Wokozim	% ppm	HC: 25,6; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-0,05-1; Axit amin (<i>Proline</i> , <i>Alanine</i> , <i>Glycine</i>): 2 Fe: 900; Cu: 500; Zn: 1.800; Mn: 2.100 pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,01	CT CP CN TCSH Vĩnh Thịnh [NK từ Ấn Độ]
Phụ lục 2 - Phần III - TT5	11	Con Sóc (DSM) 4-2-2	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Ca: 0,05; Mg: 0,012; Fe: 0,01; Độ ẩm: 20 pH: 5-7	CT TNHH Dòng Sông Mới
Phụ lục 2 - Phần III - TT7	12	Nam Việt NV2: 3-2-2 (Navi-Bio Organic)	% ppm	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-2; CaO: 4; MgO: 1,5; Độ ẩm: 20 Zn: 300; Fe: 200; B: 200 pH: 6,5	CT TNHH SX & TM Nam Việt; CT TNHH SX & TM Nam Việt Ninh Thuận

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT tại Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT	TT mới	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Phụ lục 1 - Phần IV - TT17	1	Điền Trang-Tricho mix-N cho cây ngắn ngày	% Cfu/g	HC: 15; Độ ẩm: 30 <i>Trichoderma spp</i> ; <i>Azotobacter</i> : 1 x 10 ⁶ mỗi loại	CT TNHH Điền Trang